

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Triệu Lát

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Thu L**; Sinh năm 1986, địa chỉ: ấp S, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Ông **Quách Thế H**; Sinh năm: 1984, địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 (BL01), biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020 (BL21) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu L trình bày: Vào năm 2011 bà Trần Thị Thu L và ông Quách Thế H có tổ chức lễ cưới, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2011. Sau lễ cưới bà L và ông H về sống bên nhà cha mẹ ruột của bà L tại ấp S, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2015 thì cuộc sống không còn hạnh phúc nữa do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, nên thường hay cãi vã với nhau và hai người đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian chung sống với nhau bà L và ông H có 03 người con chung tên Quách Hữu B, sinh ngày 26/02/2012 (Nam); Quách Hữu T, sinh ngày 02/3/2014 (nam); Quách Bảo N, sinh ngày 02/7/2017 (nữ) hiện các cháu đang do bà L nuôi dưỡng. Về tài sản chung, không có; về nợ chung tự thỏa thuận phân chia với nhau.

Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông H. Về con chung bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Quách Hữu T, Quách Bảo N đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với Quách Hữu B tùy nguyện vọng của cháu B muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu B muốn sống với cha thì bà L không phản đối, nếu sống với mẹ thì bà L đồng ý nuôi dưỡng cháu B đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L, đồng thời ông H cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H, giao con chung là cháu Quách Hữu B, Quách Hữu T, Quách Bảo N cho bà L nuôi dưỡng, cũng theo nguyện vọng của cháu B nếu cha mẹ không sống chung với nhau thì cháu B có nguyện vọng sống với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông H, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông H theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu L, nhận thấy hôn nhân của bà L và ông H là tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2011. Quan hệ hôn nhân của bà L và ông H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Bà L nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông H

nên có nguyện vọng ly hôn. Bà L và ông H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà L và ông H có 03 người con chung tên Quách Hữu B, sinh ngày 26/02/2012 (Nam); Quách Hữu T, sinh ngày 02/3/2014 (nam); Quách Bảo N, sinh ngày 02/7/2017 (nữ) hiện đang do bà L nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Quách Hữu T; Quách Bảo N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Quách Hữu B tùy nguyện vọng của cháu B muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng và ý kiến của cháu B có nguyện vọng sống cùng bà L khi cha mẹ ly hôn với nhau. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Hữu B, Hữu T, Bảo N không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà L. Xét thấy, bà L hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà L khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L khẳng định nợ chung để tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu L đối với bị đơn ông Quách Thế H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu L được ly hôn với ông Quách Thế H.

- Về con chung: Giao con chung Quách Hữu B, sinh ngày 26/02/2012 (nam); Quách Hữu T, sinh ngày 02/3/2014 (nam); Quách Bảo N, sinh ngày 02/7/2017 (nữ) cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu Hữu B, Hữu T, Bảo N đủ 18 tuổi.

Ông Quách Thế H không phải cấp dưỡng nuôi con, ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Quách Hữu B, Quách Hữu T, Quách Bảo N của bà Trần Thị Thu L thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Bà L khẳng định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà L khẳng định nợ chung để tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0003753, ngày 03/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Quách Thế H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã H, TX Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng